

Số: *g1* /2025/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *31* tháng *12* năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều
tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở
hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai được sửa đổi, bổ sung
bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
226/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân
định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân cấp, phân quyền
trong lĩnh vực đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
600/TTr-SoNNMT ngày 24 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định hạn mức nhận chuyển
quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông
nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 3 Điều
177 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, cơ quan thuế và các đối tượng có
liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

2. Cá nhân thuộc trường hợp được nhận chuyển quyền sử dụng đất nông
nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



Điều 3. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

1. Đất trồng cây hằng năm, gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác, tổng diện tích không quá 45 ha.
2. Đất nuôi trồng thủy sản không quá 45 ha.
3. Đất trồng cây lâu năm
 - a) Các xã, phường ở đồng bằng không quá 150 ha.
 - b) Các xã, phường ở miền núi không quá 450 ha.
4. Đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng trồng không quá 450 ha.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày .1.1. tháng.01. năm 2026. và thay thế các quy định sau:

1. Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổ chức phổ biến, triển khai thực hiện Quyết định này, theo dõi, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Thuế tỉnh Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các Sở, ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KTN (Phuong 125 b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng